

Bản án số: 67/2022/DS-ST

Ngày: 18/7/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hành
2. Ông Trần Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phụng -

Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2021/TLST-DS ngày 09/12/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-DS ngày 10/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-DS ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Trụ sở: Số 170, phố H, phường Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí M

Đại diện theo pháp luật: ông Đào Mạnh K, Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Q, Trưởng ban xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 20/UQ-HĐQT.21 ngày 25/8/2021)

Người được ủy quyền lại: ông Lê Quyết Thắng, ông Vũ Quý Đạt, chuyên viên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 282/UQ-TGD.21 ngày 19/7/2021) (ông Thắng có mặt)

Bị đơn: Anh Vũ Hồng M, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Chị Phạm Thị D, sinh năm 1983 (vắng mặt)

HKTT: P1216C tầng 12, chung cư CT8C, Đ, xã T, huyện T, Hà Nội

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Trung K, sinh năm 1979 (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

3. Cháu Phạm Quang T, sinh năm 2007 (vắng mặt)

4. Cháu Phạm Quang V, sinh năm 2011 (vắng mặt)

5. Cháu Phạm Bảo N, sinh năm 2016 (vắng mặt)

Cháu T, cháu V, cháu N do anh K, chị H giám hộ.

Cùng trú tại: P2307 CT1B1, khu đô thị X, phường P, quận H, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP A trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần A và anh Vũ Hồng M, chị Phạm Thị D đã ký hợp đồng cho vay từng lần số 4700/18/TD-CN/II.25 ngày 27/12/2018, theo giấy nhận nợ số 4700/18/TD-CN/II.25.01 ngày 28/12/2018, cụ thể như sau: Hạn mức cho vay: 1.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay mua nhà; Thời hạn vay: 240 tháng, kể từ ngày 28/12/2018 đến hết ngày 29/12/2038; Lãi suất 9,8%/năm trong 12 tháng đầu; sau 12 tháng, lãi suất theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ, cơ sở tính lãi bằng lãi suất cơ sở tại thời kỳ đổi lãi tương ứng cộng biên độ tối thiểu 3,9%/năm; Định kỳ thay đổi lãi suất 3 tháng/lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh M, chị D đã ký Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 01117/2018/HĐTC-AB, Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, thành phố Hà Nội, để thế chấp tài sản là: Căn hộ chung cư số 2307, CT1B1 – khu nhà ở Xa La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 888448, số vào sổ cấp GCN: CS64213 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Hà Nội cấp ngày 27/12/2018 mang tên anh Vũ Hồng M, chị Phạm Thị D. Tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh huyện T ngày 27/12/2018 theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh M, chị D đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng. Do đó, ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận. Tính đến ngày 18/7/2022, anh M, chị D còn nợ ngân hàng số tiền là: **1.488.990.037 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 962.506.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 474.547.208 đồng; Nợ lãi quá hạn: 51.936.829 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc anh M, chị D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay và các văn bản tín dụng đã ký kết.

- Anh M, chị D phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp anh M, chị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, anh Phạm Trung K trình bày:*

Anh K là anh trai bà D. Anh được biết, năm 2018, anh M, chị D đã vay ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 1.000.000.000 đồng như ngân hàng đã trình bày. Để đảm bảo cho khoản vay, anh M, chị D đã thế chấp căn hộ P2307 CT1B1, khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội. Căn hộ này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh M, chị D. Tuy nhiên, anh M, chị D không ở tại căn hộ này. Hiện ở tại căn hộ này là gia đình gồm có anh K, vợ là chị Nguyễn Thị H và 03 con của anh chị là cháu Phạm Quang Trung, cháu Phạm Quang Vinh, cháu Phạm Bảo Ngân, ngoài ra, không còn ai khác. Hiện trạng căn hộ vẫn giữ nguyên như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và như khi thế chấp Ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh M, chị D trả nợ, quan điểm của anh K là đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vụ án, đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho anh M, chị D thu xếp thời gian trả nợ và xem xét miễn giảm lãi.

Bị đơn là anh M, chị D và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H đã được tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không đến Tòa và không có lời khai.

Tại phiên tòa: Ngân hàng TMCP A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu: Năm 2018, Ngân hàng TMCP A và anh Vũ Hồng M, chị Phạm Thị D đã ký kết hợp đồng cho vay từng lần. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 20/9/2019, anh M, chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nên Ngân hàng khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo hồ sơ thể hiện, anh M, chị D có hộ khẩu thường trú tại P1216C tầng 12, chung cư CT8C, Đ, xã T, huyện T, Hà Nội. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về tố tụng: Xác M tại địa phương: anh M, chị D có hộ khẩu thường trú tại P1216C tầng 12, chung cư CT8C, Đ, xã T, huyện T, Hà Nội, nhưng hiện không còn cư trú, sinh sống tại địa chỉ trên, chuyển đi đâu không rõ do không khai báo. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh K, chị H, cháu Trung, cháu Vinh, cháu Ngân do anh K, chị H giám hộ đã được tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn theo hợp đồng cho vay từng lần:

Ngân hàng TMCP A và anh M, chị D đã ký hợp đồng cho vay từng lần số 4700/18/TD-CN/II.25 ngày 27/12/2018 với nội dung cho anh M, chị D vay số tiền hạn mức là 1.000.000.000 đồng. Anh M, chị D đã được giải ngân số tiền trên theo giấy nhận nợ số 4700/18/TD-CN/II.25.01 ngày 28/12/2018.

Hợp đồng cho vay từng lần và các văn bản tín dụng kèm theo đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ngày 20/9/2019, anh M, chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của anh M, chị D sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký. Ngân hàng yêu cầu anh M, chị D trả nợ gồm nợ gốc và lãi là phù hợp với các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Qua xem xét, việc tính lãi của Ngân hàng phù hợp với mức lãi suất theo hợp đồng nên được chấp nhận. Do vậy, buộc anh M, chị D phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 18/7/2022, là: **1.488.990.037 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 962.506.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 474.547.208 đồng; Nợ lãi quá hạn: 51.936.829 đồng.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của anh M, chị D tại Ngân hàng TMCP A là Căn hộ chung cư số 2307, CT1B1 – khu nhà ở Xa La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 888448, số vào sổ cấp GCN: CS64213 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Hà Nội cấp ngày 27/12/2018 mang tên ông Vũ Hồng M, bà Phạm Thị D theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 01117/2018/HĐTC-AB, Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, thành phố Hà Nội và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh huyện T ngày 27/12/2018.

Hợp đồng thế chấp được ký kết tự nguyện, những người tham gia ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người thế chấp, tài sản thế chấp đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên Hợp đồng thế chấp là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các văn bản tín dụng đã ký kết giữa các bên là phù hợp với các quy định của pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên anh M, chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 119, 295, 299, 317, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc anh Vũ Hồng M, chị Phạm Thị D phải trả cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 18/7/2022 theo Hợp đồng cho vay từng lần số

4700/18/TD-CN/II.25 ngày 27/12/2018 và Giấy nhận nợ số 4700/18/TD-CN/II.25.01 ngày 28/12/2018 với số tiền là: **1.488.990.037 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 962.506.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 474.547.208 đồng; Nợ lãi quá hạn: 51.936.829 đồng.

2. Kể từ ngày 19/7/2022, anh M, chị D vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số 4700/18/TD-CN/II.25 ngày 27/12/2018 và Giấy nhận nợ số 4700/18/TD-CN/II.25.01 ngày 28/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp anh M, chị D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền nợ trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Căn hộ chung cư số 2307, CT1B1 – khu nhà ở Xa La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 888448, số vào sổ cấp GCN: CS64213 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Hà Nội cấp ngày 27/12/2018 mang tên ông Vũ Hồng M, bà Phạm Thị D theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số công chứng 01117/2018/HĐTC-AB, Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, thành phố Hà Nội và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh huyện T ngày 27/12/2018.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, anh Vũ Hồng M, chị Phạm Thị D có nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP A.

5. Về án phí:

- Anh Vũ Hồng M, chị Phạm Thị D phải nộp 56.670.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền 25.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0063061 ngày 02/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng